

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần (Tiếng Việt): Chuẩn mực kế toán Việt Nam
- Tên học phần (Tiếng Anh): Accounting Standards
- Mã học phần: 2042033
- Số tín chỉ: 03 tín chỉ
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt
- Thuộc chương trình đào tạo của bậc, ngành: Kế Toán-Kiểm toán, Tài chính-Ngân hàng
- Số tiết học phần:
 - Nghe giảng lý thuyết : 30 tiết
 - Làm bài tập trên lớp : 10 tiết
 - Thảo luận : 2 tiết
 - Hoạt động theo nhóm : 3 tiết
 - Tự học : 90 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán

2. Học phần trước: Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính.**3. Mục tiêu của học phần:**

Cung cấp các nguyên tắc, các yêu cầu cơ bản để hướng dẫn sinh viên nhận thức, ghi chép và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo hệ thống các quan điểm hành xử thống nhất trước các sự kiện thuộc đối tượng của kế toán.

4. Chuẩn đầu ra của học phần:

	Nội dung	Đáp ứng CDR CTĐT
Kiến thức	4.1.1. Trang bị cho sinh viên những nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản để ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính	K1
	4.1.2. Giúp sinh viên có thể hiểu và đánh giá thông tin tài chính được lập trong báo cáo tài chính có được phù hợp với các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hay không.	K2
	4.1.3. Tổ chức thực hiện công tác kế toán tại các đơn vị.	K3
Kỹ năng	4.2.1. <i>Kỹ năng nghề nghiệp:</i> Ghi chép kế toán và lập báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán đã ban hành một cách thống nhất và xử lý các vấn đề chưa được quy định cụ thể nhằm đảm bảo cho cá thông tin trên báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý	S2
	4.2.2. <i>Kỹ năng cá nhân:</i> Giúp cho cá nhân tự chủ động trong công việc của mình, Phát triển kỹ năng tự nghiên cứu,	S1,S3

	kỹ năng lắng nghe, kỹ năng giao tiếp và ứng xử, kỹ năng làm việc nhóm trong lĩnh vực chuyên môn.	
Thái độ	4.3.1. <i>Đối với xã hội:</i> Có tinh thần trách nhiệm với tổ chức, cộng đồng, xã hội. Tôn trọng pháp luật, qui định của tổ chức nơi mình học và làm việc, chấp hành chủ trương, chính sách của nhà nước. Có ý thức phục vụ tổ chức, cộng đồng, thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ với vị trí của mình đối với tổ chức, xã hội; có ý thức bảo vệ tài sản của tổ chức, bảo vệ môi trường sống, làm việc và học tập.	A1
	4.3.2. <i>Đối với doanh nghiệp:</i> Chấp hành nội qui, qui định, kỷ luật lao động nơi công sở, hiếu và tôn trọng, giữ gìn văn hóa tổ chức, có tác phong công nghiệp.	A2
	4.3.3. <i>Đối với cá nhân:</i> Trung thực, trách nhiệm, tin cậy, tỉ mỉ, nguyên tắc, hành xử chuyên nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, tuân thủ các quy định đặc thù của nghề nghiệp	A3

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Nội dung cơ bản của học phần là những nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản để ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính dựa trên các chuẩn mực kế toán đã được ban hành, giúp sinh viên quản lý được các rủi ro, hạn chế những vi phạm, sai sót liên quan đến tài chính trong hoạt động kinh doanh.

6. Nội dung và lịch trình giảng dạy

Buổi /Tiết	Nội dung	Hoạt động của giảng viên	Hoạt động của sinh viên	Giáo trình chính	Tài liệu tham khảo	Ghi chú
1	<p>1. Chuẩn mực số 01 - Chuẩn mực chung</p> <p>1.1. Các nguyên tắc kế toán cơ bản</p> <p>1.2. Các yêu cầu cơ bản đối với kế toán</p> <p>1.3. Các yếu tố của BCTC</p> <p>1.4. Ghi nhận các yếu tố của BCTC</p> <p>2. Chuẩn mực số 02 - Hàng tồn kho</p> <p>2.1. Khái niệm hàng tồn kho</p> <p>2.2. Xác định giá trị hàng tồn kho</p> <p>2.3. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho</p> <p>2.4. Giá trị thuần có thể thực hiện được và lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho</p> <p>2.5. Ghi nhận chi phí</p>	Thuyết giảng	Nghe giảng, ghi chú Trả lời câu hỏi	Trang 69-81 cuốn [1] Trang 9-18 cuốn [1]	[1], [2] [1], [2]	
2	<p>3. Chuẩn mực số 03 - Tài sản cố định hữu hình</p> <p>3.1. Khái niệm TSCĐ hữu hình</p> <p>3.2. Ghi nhận TSCĐ hữu hình</p> <p>3.3. Xác định giá trị ban đầu của TSCĐ hữu hình</p> <p>3.4. Chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu</p> <p>3.5. Xác định giá trị sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình</p> <p>3.6. Khấu hao TSCĐ hữu hình</p> <p>3.7. Xem xét lại thời gian sử dụng</p>	Hướng dẫn làm việc nhóm	Thuyết trình, đặt câu hỏi, Trả lời câu hỏi	Trang 19-32 cuốn [1]	[1], [2]	

	<p>hữu ích của TSCĐ hữu hình</p> <p>3.8. Xem xét lại phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình</p> <p>3.9. Nhượng bán và thanh lý TSCĐ hữu hình</p>					
3	<p>4. Chuẩn mực số 04 - TSCĐ vô hình</p> <p>4.1. Định nghĩa về TSCĐ vô hình</p> <p>4.2. Ghi nhận và xác định giá trị ban đầu TSCĐ vô hình</p> <p>4.3. Xác định nguyên giá TSCĐ vô hình trong từng trường hợp</p> <p>4.4. Ghi nhận chi phí</p> <p>4.5. Chi phí phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu TSCĐ vô hình</p> <p>4.6. Xác định giá trị sau ghi nhận ban đầu TSCĐ vô hình</p> <p>4.7. Khấu hao TSCĐ vô hình</p> <p>4.8. Giá trị thanh lý của TSCĐ vô hình</p> <p>4.9. Xem xét lại thời gian khấu hao và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình</p> <p>4.10. Nhượng bán và thanh lý TSCĐ vô hình</p>	Hướng dẫn làm việc nhóm	Thuyết trình, đặt câu hỏi, Trả lời câu hỏi	Trang 69-81 cuốn [1]	[1], [2]	
4	<p>5. Chuẩn mực số 05 - Bất động sản đầu tư</p> <p>5.1. Khái niệm BĐS đầu tư</p> <p>5.2. Điều kiện ghi nhận BĐS đầu tư</p> <p>5.3. Xác định giá trị ban đầu BĐS đầu tư</p> <p>5.4. Chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu BĐS đầu tư</p> <p>5.5. Xác định giá trị sau khi ghi nhận ban đầu BĐS đầu tư</p> <p>5.6. Chuyển đổi mục đích sử dụng</p> <p>5.7. Thanh lý BĐS đầu tư</p> <p>6. Chuẩn mực số 06 - Thuê tài sản</p> <p>6.1. Phân loại thuê tài sản</p> <p>6.2. Ghi nhận thuê tài sản trong các BCTC của bên thuê</p> <p>6.3. Ghi nhận tài sản thuê trong BCTC của bên cho thuê</p> <p>6.4. Giao dịch bán và thuê lại tài sản</p>	Hướng dẫn làm việc nhóm thuyết trình	Thuyết trình, đặt câu hỏi, Trả lời câu hỏi	Trang 69-81 cuốn [1]	[1], [2]	
5	<p>7. Chuẩn mực kế toán số 07 - Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết</p> <p>7.1. Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể</p> <p>7.2. BCTC riêng của nhà đầu tư</p> <p>7.3. BCTC hợp nhất của nhà đầu tư</p> <p>8. Chuẩn mực số 08 - Thông tin tài chính về những khoản góp vốn liên doanh</p> <p>8.1. Các hình thức liên doanh</p> <p>8.2. Nhận biết và kế toán hợp đồng hợp tác kinh doanh được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn</p>	Hướng dẫn làm việc nhóm thuyết trình	Thuyết trình, đặt câu hỏi, Trả lời câu hỏi	Trang 166-187 cuốn [1]	[1], [2]	

	<p>liên doanh được quy định</p> <p>8.3. Nhận biết và kế toán hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức liên doanh tài sản được đồng kiểm soát</p> <p>8.4. Kế toán hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức thành lập cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn kinh doanh</p>					
6	<p>9. Chuẩn mực số 10-Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái</p> <p>9.1. Các giao dịch bằng ngoại tệ</p> <p>9.2. Đầu tư thuần vào cơ sở ở nước ngoài</p> <p>9.3. BCTC các hoạt động ở nước ngoài</p> <p>10. Chuẩn mực số 11 - Hợp nhất kinh doanh</p> <p>10.1. Xác định hợp nhất kinh doanh</p> <p>10.2. Hợp nhất kinh doanh liên quan đến các doanh nghiệp chịu sự kiểm soát chung</p> <p>10.3. Các phương pháp hợp nhất kinh doanh</p> <p>10.4. Áp dụng phương pháp mua</p>	Hướng dẫn làm việc nhóm thuyết trình	Thuyết trình, đặt câu hỏi, Trả lời câu hỏi	Trang 96-110 346-381 cuốn [1]	[1],[2]	
7	<p>11. Chuẩn mực số 14 - Doanh thu và thu nhập khác</p> <p>11.1. Xác định doanh thu</p> <p>11.2. Nhận biết giao dịch</p> <p>11.3. Ghi nhận doanh thu bán hàng</p> <p>11.4. Doanh thu cung cấp dịch vụ</p> <p>11.5. Ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia</p> <p>11.6. Ghi nhận thu nhập khác</p> <p>12. Chuẩn mực số 15 - Hợp đồng xây dựng</p> <p>12.1. Kết hợp và phân chia hợp đồng</p> <p>12.2. Doanh thu của hợp đồng XD</p> <p>12.3. Chi phí của hợp đồng XD</p> <p>12.4. Ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng XD</p> <p>12.5. Những thay đổi trong các ước tính</p>	Hướng dẫn làm việc nhóm thuyết trình	Thuyết trình, đặt câu hỏi, Trả lời câu hỏi	Trang 55-66 111-124 cuốn [1]	[1],[2], [3]	
8	<p>13. Chuẩn mực số 16 - Chi phí đi vay</p> <p>13.1. Chi phí đi vay</p> <p>13.2. Ghi nhận chi phí đi vay</p> <p>13.3. Xác định chi phí đi vay được vốn hoá</p> <p>13.4. Thời điểm bắt đầu vốn hoá</p> <p>13.5. Tạm ngừng vốn hoá</p> <p>13.6. Chấm dứt việc vốn hoá</p> <p>14. Chuẩn mực số 17 - Thuế thu nhập doanh nghiệp</p>	Hướng dẫn làm việc nhóm thuyết trình	Thuyết trình, đặt câu hỏi, Trả lời câu hỏi	Trang 125-130 237-265 cuốn [1]	[2],[4], [5]	

	<p>14.1. Cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp</p> <p>14.2. Ghi nhận thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành</p> <p>14.3. Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại</p> <p>14.4. Xác định giá trị của thuế thu nhập hiện hành phải nộp, tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả</p> <p>14.5. Ghi nhận thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại</p>					
9	<p>15. Chuẩn mực 18-Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng</p> <p>15.1. Phân biệt các khoản dự phòng và các khoản nợ phải trả</p> <p>15.2. Mối quan hệ giữa các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng</p> <p>15.3. Nguyên tắc ghi nhận</p> <p>15.4. Xác định giá trị các khoản dự phòng</p> <p>15.5. Các khoản bồi hoàn</p> <p>15.6. Thay đổi các khoản dự phòng</p> <p>15.7. Sử dụng các khoản dự phòng</p> <p>15.8. Áp dụng các nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị</p> <p>16. Chuẩn mực số 19-Hợp đồng bảo hiểm</p>	Hướng dẫn làm việc nhóm thuyết trình	Thuyết trình, đặt câu hỏi, Trả lời câu hỏi	Trang 382-425 cuốn [1]	[2],[4],[5]	
10	<p>Thi giữa kỳ</p> <p>17. Chuẩn mực số 21 - Trình bày BCTC</p> <p>17.1. Yêu cầu lập và trình bày BCTC</p> <p>17.2. Nguyên tắc lập và trình bày BCTC</p> <p>17.3. Kết cấu và nội dung chủ yếu của BCTC</p> <p>18. Chuẩn mực số 22 - Trình bày bổ sung báo cáo tài chính của các ngân hàng và tổ chức tài chính tương tự</p>	Hướng dẫn làm việc nhóm thuyết trình	Thuyết trình, đặt câu hỏi, Trả lời câu hỏi			
11	<p>19. Chuẩn mực số 23 - Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán</p> <p>19.1. Ghi nhận và xác định</p> <p>19.2. Trình bày Báo cáo tài chính</p> <p>20. Chuẩn mực số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</p> <p>20.1. Trình bày Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</p> <p>20.2. Phương pháp lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</p> <p>21. Chuẩn mực kế toán 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và kế</p>	Hướng dẫn làm việc nhóm thuyết trình	Thuyết trình, đặt câu hỏi, Trả lời câu hỏi	Trang 282-288 131-151 215-225 cuốn [1]	[2],[3],[4]	

	<p>toán các khoản đầu tư vào công ty con</p> <p>21.1. Trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất</p> <p>21.2. Phạm vi của Báo cáo tài chính hợp nhất</p> <p>21.3. Trình tự hợp nhất</p> <p>21.4. Trình bày khoản đầu tư vào công ty con trong Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ</p> <p>21.5. Trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất</p>					
12	<p>22. Chuẩn mực số 26 - Thông tin về các bên liên quan</p> <p>22.1. Các bên liên quan</p> <p>22.2. Trình bày Báo cáo tài chính</p> <p>23. Chuẩn mực số 27 - BCTC giữa niên độ</p> <p>23.1. Nội dung Báo cáo tài chính giữa niên độ</p> <p>23.2. Thông tin được trình bày trong Bản thuyết minh BCTC năm</p> <p>23.3. Ghi nhận và xác định giá trị</p> <p>23.4. Điều chỉnh BCTC giữa niên độ đã được báo cáo trước đây</p> <p>24. Chuẩn mực số 28 - Báo cáo bộ phận</p> <p>25. Chuẩn mực số 29 - Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót</p> <p>25.1. Thay đổi chính sách kế toán</p> <p>25.2. Thay đổi ước tính kế toán</p> <p>25.3. Sai sót</p> <p>25.4. Tính không hiện thực của việc áp dụng hồi tố và điều chỉnh hồi tố</p> <p>25.5. Trình bày Báo cáo tài chính</p> <p>26. Chuẩn mực số 30 - Lãi trên cổ phiếu</p> <p>26.1. Xác định</p> <p>26.2. Điều chỉnh hồi tố</p> <p>26.3. Trình bày Báo cáo tài chính</p>					
13	<p>25. Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) đối chiếu với chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS)</p> <p>25.1. Sự hòa hợp giữa VAS và IAS</p> <p>25.2. Những điểm khác nhau cơ bản giữa VAS và IAS.</p>	Thuyết giảng	Nghe giảng, ghi chú Trả lời câu hỏi	Trang 299-384 494-516 531-554 cuốn [1]	[3],[4],[5]	
14	<p>25.3. Sự cần thiết áp dụng theo IAS tại Việt Nam</p> <p>25.4. Những thuận lợi và khó khăn khi áp dụng IAS vào Việt Nam.</p> <p>25.5. Phương pháp và lộ trình áp dụng IAS vào Việt Nam</p>	Thuyết giảng	Nghe giảng, ghi chú Trả lời câu hỏi	Trang 299-384 494-516 531-554 cuốn [1]	[3],[4],[5]	
15	Ôn tập					

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.

- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành/thực tập và có báo cáo kết quả.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Chuẩn bị bài, tìm hiểu thêm các nội dung được giao, tham gia thảo luận, tranh luận theo chủ đề/tình huống/câu hỏi.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Mục tiêu
1	Điểm chuyên cần	Số tiết tham dự học 36/tổng số tiết 45	10%	4.3.3
2	Điểm bài tập	Số bài tập đã làm 40/50 số bài tập được giao	10%	4.2.2; 4.2.2; 4.3
3	Điểm bài tập nhóm	- Báo cáo/thuyết trình được nhóm xác nhận có tham gia	-	-
4	Điểm kiểm tra giữa kỳ	- Thi viết (50 phút)	20%	4.1.1 đến 4.1.34; 4.2.2
...
...	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi viết (90 phút) - Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết và 100% giờ thực hành - Bắt buộc dự thi	60%	4.1; 4.3.3

8.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 0,5.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân.

9. Tài liệu học tập

9.1. Giáo trình chính

[1] Bộ tài chính, “26 chuẩn mực kế toán Việt nam”, NXB Tài chính, Năm xuất bản 2015.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Chế độ Kế toán Doanh nghiệp, “Hệ thống tài khoản kế toán, Quyển 1, NXB Tài chính (2015).

[2] Võ Văn Nhị, “Kế toán tài chính trong mối quan hệ với Luật Kế toán, 26 chuẩn mực kế toán”, NXB Tài chính (2010).

[3] Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 V/v Ban hành và công bố bốn (04) chuẩn mực kế toán Việt nam (Đợt 1) gồm: Chuẩn mực số 02 - Hàng tồn kho, Chuẩn mực số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Chuẩn mực số 04 - Tài sản cố định vô hình, Chuẩn mực số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

[4] Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 V/v Ban hành và công bố sáu (06) chuẩn mực kế toán Việt nam (Đợt 2) gồm: Chuẩn mực số 01 - Chuẩn mực chung; Chuẩn mực số 06 - Thuê tài sản; Chuẩn mực số 10 - ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái; Chuẩn mực số 15 - Hợp đồng xây dựng; Chuẩn mực số 16 - Chi phí đi vay; Chuẩn mực số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

[5] Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC Về việc ban hành và công bố sáu (06) chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3) gồm: Chuẩn mực số 05- Bất động sản đầu tư; Chuẩn mực số 07- Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết; Chuẩn mực số 08- Thông tin tài chính về những khoản vốn góp

liên doanh; Chuẩn mực số 21- Trình bày báo cáo tài chính; Chuẩn mực số 25- Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con; Chuẩn mực số 26- Thông tin về các bên liên quan.

[6] Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC Về việc ban hành và công bố sáu (06) chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4) gồm: Chuẩn mực số 17 – Thuế thu nhập doanh nghiệp; Chuẩn mực số 22 – Trình bày bổ sung báo cáo tài chính của các ngân hàng và tổ chức tài chính tương tự; Chuẩn mực số 23 – Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm; Chuẩn mực số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ; Chuẩn mực số 28 – Báo cáo bộ phận; Chuẩn mực số 29 – Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót.

[7] Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 Về việc ban hành và công bố bốn (04) chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5): Chuẩn mực số 11 – “Hợp nhất kinh doanh”; Chuẩn mực số 18 – “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng”; Chuẩn mực số 19 – “Hợp đồng bảo hiểm”; Chuẩn mực số 30 – “Lãi trên cổ phiếu”.

[8] Thông tư Số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 V/v Hướng dẫn kế toán thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002

[9] Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

[10] Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

[11] Thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 V/v Hướng dẫn kế toán thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

[12] Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 V/v Hướng dẫn kế toán thực hiện bốn (04) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

[13] Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 V/v Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

[14] Quyết định số 1173/QĐ-BTC ngày 21 tháng 5 năm 2013 Về việc đính chính Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

10. Hướng dẫn sinh viên tự học

Tuần /Buổi	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Nhiệm vụ của sinh viên
1	<p>1. Chuẩn mực số 01 - Chuẩn mực chung</p> <p>1.1. Các nguyên tắc kế toán cơ bản</p> <p>1.2. Các yêu cầu cơ bản đối với kế toán</p> <p>1.3. Các yếu tố của BCTC</p> <p>1.4. Ghi nhận các yếu tố của BCTC</p> <p>2. Chuẩn mực số 02 - Hàng tồn kho</p>	5	5	<p>-Nghiên cứu trước:</p> <p>+Tài liệu [1]: nội dung từ chương I-IV</p> <p>+Tra cứu nội dung về các chuẩn mực kế toán 1-2-3-4</p>

	<p>2.1. Khái niệm hàng tồn kho 2.2. Xác định giá trị hàng tồn kho 2.3. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho 2.4. Giá trị thuần có thể thực hiện được và lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho 2.5. Ghi nhận chi phí</p> <p>3. Chuẩn mực số 03 - Tài sản cố định hữu hình</p> <p>3.1. Khái niệm TSCĐ hữu hình 3.2. Ghi nhận TSCĐ hữu hình 3.3. Xác định giá trị ban đầu của TSCĐ hữu hình 3.4. Chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu 3.5. Xác định giá trị sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình 3.6. Khấu hao TSCĐ hữu hình 3.7. Xem xét lại thời gian sử dụng hữu ích của TSCĐ hữu hình 3.8. Xem xét lại phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình 3.9. Nhượng bán và thanh lý TSCĐ hữu hình</p> <p>4. Chuẩn mực số 04 - TSCĐ vô hình</p> <p>4.1. Định nghĩa về TSCĐ vô hình 4.2. Ghi nhận và xác định giá trị ban đầu TSCĐ vô hình 4.3. Xác định nguyên giá TSCĐ vô hình trong từng trường hợp 4.4. Ghi nhận chi phí 4.5. Chi phí phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu TSCĐ vô hình 4.6. Xác định giá trị sau ghi nhận ban đầu TSCĐ vô hình 4.7. Khấu hao TSCĐ vô hình 4.8. Giá trị thanh lý của TSCĐ vô hình 4.9. Xem xét lại thời gian khấu hao và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình 4.10. Nhượng bán và thanh lý TSCĐ vô hình</p>			
2	<p>5. Chuẩn mực số 05 - Bất động sản đầu tư</p> <p>5.1. Khái niệm BĐS đầu tư 5.2. Điều kiện ghi nhận BĐS đầu tư 5.3. Xác định giá trị ban đầu BĐS đầu tư 5.4. Chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu BĐS đầu tư 5.5. Xác định giá trị sau khi ghi nhận ban đầu BĐS đầu tư 5.6. Chuyển đổi mục đích sử dụng 5.7. Thanh lý BĐS đầu tư</p> <p>6. Chuẩn mực số 06 - Thuê tài sản</p> <p>6.1. Phân loại thuê tài sản</p>	5	5	<p>-Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: nội dung từ chương IV-VIII +Tra cứu nội dung về các chuẩn mực kế toán 5-6-7-8</p>

	<p>6.2. Ghi nhận thuê tài sản trong các BCTC của bên thuê</p> <p>6.3. Ghi nhận tài sản thuê trong BCTC của bên cho thuê</p> <p>6.4. Giao dịch bán và thuê lại tài sản</p> <p>7. Chuẩn mực kế toán số 07 - Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết</p> <p>7.1. Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể</p> <p>7.2. BCTC riêng của nhà đầu tư</p> <p>7.3. BCTC hợp nhất của nhà đầu tư</p> <p>8. Chuẩn mực số 08 - Thông tin tài chính về những khoản góp vốn liên doanh</p> <p>8.1. Các hình thức liên doanh</p> <p>8.2. Nhận biết và kế toán hợp đồng hợp tác kinh doanh được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh được quy định</p> <p>8.3. Nhận biết và kế toán hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức liên doanh tài sản được đồng kiểm soát</p> <p>8.4. Kế toán hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức thành lập cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn kinh doanh</p>			
3	<p>9. Chuẩn mực số 10-Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái</p> <p>9.1. Các giao dịch bằng ngoại tệ</p> <p>9.2. Đầu tư thuần vào cơ sở ở nước ngoài</p> <p>9.3. BCTC các hoạt động ở nước ngoài</p> <p>10. Chuẩn mực số 11 - Hợp nhất kinh doanh</p> <p>10.1. Xác định hợp nhất kinh doanh</p> <p>10.2. Hợp nhất kinh doanh liên quan đến các doanh nghiệp chịu sự kiểm soát chung</p> <p>10.3. Các phương pháp hợp nhất kinh doanh</p> <p>10.4. Áp dụng phương pháp mua</p> <p>11. Chuẩn mực số 14 - Doanh thu và thu nhập khác</p> <p>11.1. Xác định doanh thu</p> <p>11.2. Nhận biết giao dịch</p> <p>11.3. Ghi nhận doanh thu bán hàng</p> <p>11.4. Doanh thu cung cấp dịch vụ</p> <p>11.5. Ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia</p> <p>11.6. Ghi nhận thu nhập khác</p> <p>12. Chuẩn mực số 15 - Hợp đồng xây dựng</p> <p>12.1. Kết hợp và phân chia hợp đồng</p>	5	5	<p>-Nghiên cứu trước:</p> <p>+ Tài liệu [1]: nội dung từ chương X, XX, XI, XII</p> <p>+Tra cứu nội dung về các chuẩn mực kế toán 10-11-14-15</p>

	<p>12.2. Doanh thu của hợp đồng XD</p> <p>12.3. Chi phí của hợp đồng XD</p> <p>12.4. Ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng XD</p> <p>12.5. Những thay đổi trong các ước tính</p>			
4	<p>13. Chuẩn mực số 16 - Chi phí đi vay</p> <p>13.1. Chi phí đi vay</p> <p>13.2. Ghi nhận chi phí đi vay</p> <p>13.3. Xác định chi phí đi vay được vốn hoá</p> <p>13.4. Thời điểm bắt đầu vốn hoá</p> <p>13.5. Tạm ngừng vốn hoá</p> <p>13.6. Chấm dứt việc vốn hoá</p> <p>14. Chuẩn mực số 17 - Thuế thu nhập doanh nghiệp</p> <p>14.1. Cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp</p> <p>14.2. Ghi nhận thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành</p> <p>14.3. Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại</p> <p>14.4. Xác định giá trị của thuế thu nhập hiện hành phải nộp, tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải trả và thuế thu nhập hoãn lại phải trả</p> <p>14.5. Ghi nhận thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại</p> <p>15. Chuẩn mực 18-Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng</p> <p>15.1. Phân biệt các khoản dự phòng và các khoản nợ phải trả</p> <p>15.2. Mối quan hệ giữa các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng</p> <p>15.3. Nguyên tắc ghi nhận</p> <p>15.4. Xác định giá trị các khoản dự phòng</p> <p>15.5. Các khoản bồi hoàn</p> <p>15.6. Thay đổi các khoản dự phòng</p> <p>15.7. Sử dụng các khoản dự phòng</p> <p>15.8. Áp dụng các nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị</p> <p>16. Chuẩn mực số 19-Hợp đồng bảo hiểm</p>	5	5	<p>-Nghiên cứu trước:</p> <p>+ Tài liệu [1]: nội dung từ chương IX, XIII, XXI, XXIII</p> <p>+Tra cứu nội dung về các chuẩn mực kế toán 16-17-18-19</p>
5	<p>17. Chuẩn mực số 21 - Trình bày BCTC</p> <p>17.1. Yêu cầu lập và trình bày BCTC</p> <p>17.2. Nguyên tắc lập và trình bày BCTC</p> <p>17.3. Kết cấu và nội dung chủ yếu của BCTC</p> <p>18. Chuẩn mực số 22 - Trình bày bổ sung báo cáo tài chính của các ngân hàng và tổ chức tài chính tương tự</p>	5	5	<p>-Nghiên cứu trước:</p> <p>+ Tài liệu [1]: nội dung từ chương XIV, XXV, XXVI, XV</p> <p>+Tra cứu nội dung về các chuẩn mực kế toán 21-22-23-24</p>

	<p>19. Chuẩn mực số 23 - Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán</p> <p>19.1. Ghi nhận và xác định</p> <p>19.2. Trình bày Báo cáo tài chính</p> <p>20. Chuẩn mực số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</p> <p>20.1. Trình bày Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</p> <p>20.2. Phương pháp lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</p>			
6	<p>21. Chuẩn mực kế toán 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con</p> <p>21.1. Trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất</p> <p>21.2. Phạm vi của Báo cáo tài chính hợp nhất</p> <p>21.3. Trình tự hợp nhất</p> <p>21.4. Trình bày khoản đầu tư vào công ty con trong Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ</p> <p>21.5. Trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất</p> <p>22. Chuẩn mực số 26 - Thông tin về các bên liên quan</p> <p>22.1. Các bên liên quan</p> <p>22.2. Trình bày Báo cáo tài chính</p> <p>23. Chuẩn mực số 27 - BCTC giữa niên độ</p> <p>23.1. Nội dung Báo cáo tài chính giữa niên độ</p> <p>23.2. Thông tin được trình bày trong Bản thuyết minh BCTC năm</p> <p>23.3. Ghi nhận và xác định giá trị</p> <p>23.4. Điều chỉnh BCTC giữa niên độ đã được báo cáo trước đây</p> <p>24. Chuẩn mực số 28 - Báo cáo bộ phận</p> <p>25. Chuẩn mực số 29 - Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót</p> <p>25.1. Thay đổi chính sách kế toán</p> <p>25.2. Thay đổi ước tính kế toán</p> <p>25.3. Sai sót</p> <p>25.4. Tính không hiện thực của việc áp dụng hồi tố và điều chỉnh hồi tố</p> <p>25.5. Trình bày Báo cáo tài chính</p> <p>26. Chuẩn mực số 30 - Lãi trên cổ phiếu</p> <p>26.1. Xác định</p> <p>26.2. Điều chỉnh hồi tố</p> <p>26.3. Trình bày Báo cáo tài chính</p>	5	5	<p>-Nghiên cứu trước:</p> <p>+ Tài liệu [1]: nội dung từ chương XVIII, XIX, XVI, XVII, XXII, XXIV</p> <p>+Tra cứu nội dung về các chuẩn mực kế toán 25-26-27-28-29-30</p>

Ngày... tháng.... Năm 201

Trưởng khoa
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày... tháng.... Năm 201

Trưởng Bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày... tháng.... Năm 201

Người biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày... tháng.... Năm 201
Ban giám hiệu